TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 5 - 2023
V/v *tranh chấp Hôn nhân và gia đình*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Hồng; ông Nguyễn Thái Linh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Thuần - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Lê - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2023 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 36/2023/TLST - HNGĐ, ngày 09 tháng 3 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Đình P, sinh năm 1987; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Đài Loan. Vắng mặt

2. Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1987; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Ma Cao. Vắng mặt

3. Người tham gia tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị B và ông Lê Văn T (bố mẹ đẻ chị Lê Thị T); địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như các tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong quá trình giải quyết, vụ án có nội dung như sau:

- Nguyên đơn anh Phan Đình P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Đình P và chị Lê Thị T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 07/9/2011 tại Ủy ban nhân dân phường Bắc Hồng, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau được hơn một năm, do kinh tế khó khăn nên vợ chồng đi lao động tại Thái Lan

được ba năm thì về Việt Nam. Đến năm 2018, chị T đi lao động tại Ma Cao cho đến nay chưa về Việt Nam và cũng từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Năm 2020 anh P đi lao động tại Đài Loan cho đến nay. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng mỗi người một nơi, thiếu sự chia sẻ cùng nhau, do bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, dẫn đến không còn tình cảm với nhau. Nay, anh P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh P làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh Phan Đình P và chị Lê Thị T có 01 con chung là Phan Đình L, sinh ngày 08/7/2012, từ nhỏ đến nay cháu ở với ông bà ngoại. Anh Phan Đình P có nguyện vọng giao con chung cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và anh đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Trong thời gian chị T chưa về Việt Nam anh đồng ý để bố mẹ đẻ chị T là ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị B chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Long cho đến khi chị T về Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị T trình bày thống nhất với anh Phan Đình P về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc cũng như thời gian xảy ra mâu thuẫn. Nay chị cũng nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh P làm đơn yêu cầu ly hôn chị T đồng ý

Về con chung: Chị Lê Thị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Phan Đình L, sinh ngày 08/7/2012 đến tuổi trưởng thành và đồng ý anh P đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong thời gian chị T chưa về Việt Nam, chị nhờ bố mẹ đẻ là ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị B chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Long thay chị cho đến khi chị về Việt Nam.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lê Thị T cho biết hiện nay chị đang lao động tự do tại Ma Cao nên không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể của mình cũng như do công việc, tình hình dịch bệnh không thể trực tiếp về Việt Nam để giải quyết vụ án nên đề nghị được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và ủy quyền việc giao nhận tài liệu cho ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị B (bố mẹ đẻ chị T); địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh.

- Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị B (bố mẹ đẻ chị T) tự nguyện xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Đình L thay chị T trong thời gian chị T chưa về Việt Nam và đồng ý nhận ủy quyền giao nhận tài liệu, chứng cứ của chị T, ông bà cam đoan sẽ thông báo đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị T được biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ

án, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ: Xử cho anh Phan Đình P được ly hôn với chị Lê Thị T; Về con chung: Giao con chung Phan Đình L, sinh ngày 08/7/2012 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Phan Đình P đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con không được ai ngăn cản; Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét và buộc nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Lê Thị T hiện đang sinh sống, lao động tự do tại Ma Cao không có địa chỉ cụ thể. Tại công văn số 6851/QLXNC-P5, ngày 30/3/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an, xác nhận: Chị Lê Thị T, sinh ngày 09/10/1987 đã xuất cảnh gần nhất vào ngày 03/02/2020, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, anh P và chị T trình bày vì điều kiện công việc, tình hình dịch bệnh phức tạp không thể trực tiếp về Việt Nam để giải quyết vụ án và yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, anh P ủy quyền giao nhận tài liệu, chứng cứ của Tòa án cho chị Phan Thị Mỹ Duyên; địa chỉ: Phường Đức Thuận, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Chị T ủy quyền việc giao nhận tài liệu cho ông Lê Văn Tòng và bà Nguyễn Thị Bá; địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn anh Phan Đình P và bị đơn chị Lê Thị T theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Đình P và chị Lê Thị T tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn ngày 07/9/2011 tại Ủy ban nhân dân phường Bắc Hồng, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng mỗi người một nơi, thiếu sự chia sẻ cùng nhau và do bất đồng về quan điểm sống, cuộc sống không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, dẫn đến không còn tình cảm với nhau.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau…nhưng cuộc hôn nhân của anh P và chị T không đạt được. Tại Điều 51 Luật Hôn nhân

gia đình năm 2014 quy định *"Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn"*. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phan Đình P xử cho anh Phan Đình P được ly hôn chị Lê Thị T.

[2.2] Quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh Phan Đình P và chị Lê Thị T có 01 con chung là Phan Đình L, sinh ngày 08/7/2012. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù chị T hiện đang lao động tại Ma Cao không thể trực tiếp thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với con chung, tuy nhiên xét thấy cháu Phan Đình L từ nhỏ đến nay sống cùng với chị T và ông bà ngoại, được ông bà chăm sóc và nuôi dưỡng tốt, cháu phát triển đầy đủ cả về thể chất lẫn tinh thần. Anh Phan Đình P đồng ý giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và anh đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu 18 tuổi. Trong thời gian chị T chưa về Việt Nam ông Lê Văn Tòng và bà Nguyễn Thị Bá tự nguyện chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Long cho đến khi chị T về Việt Nam nên cần chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T cũng như sự tự nguyện của anh Phan Đình P.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83,107, 110, 116, 117, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 28, 37, 227, 273, 469, khoản 2 Điều 479, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; mục 2 phần II Nghị quyết 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao về giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phan Đình P được ly hôn với chị Lê Thị T

2. Về con chung: Giao con chung Phan Đình L, sinh ngày 08/7/2012 cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, trong thời gian chị T chưa về Việt Nam, ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị B (bố mẹ đẻ chị T) tự nguyện chăm sóc cháu Phan Đình L thay chị T cho đến khi chị T về Việt Nam. Anh Phan Đình P đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu đồng) đồng kể từ tháng 5/2023 cho đến khi con đến tuổi trưởng thành và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không được ai ngăn cản.

3. Về án phí: Anh Phan Đình P tự nguyện chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000487 ngày 09/3/2023 tại

Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Anh Phan Đình P còn phải nộp tiếp 300.000 đồng

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND phường B ;
- Đương sự;
- Lưu HS, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Thu Hiền